TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **653**/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 04/10/2018
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thanh Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lệ Hằng**
Ông **Hoàng Thiên Văn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Đức Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2018, về "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 08 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số: 121/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 09 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ngọc O**, sinh năm 1970 *(có mặt)*
Thường trú: 207 lô B chung cư P, Phường A, Quận B, TP.Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 257/18/20 đường B, Phường C, Quận D, TP.Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Võ Đức Th**, sinh năm 1959 *(vắng mặt)*
Thường trú: 257/18/20 đường B, Phường C, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 04/08/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc O trình bày:**

Bà Trần Thị Ngọc O và ông Võ Đức Th sống chung từ năm 1997, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11, quyển số 01/2008 ngày 06/02/1998 của Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O và ông Th có một người con chung tên Võ Trần Duy K (nam) – sinh ngày 22/01/1998.

Từ khi sống chung, bà O và ông Th thường xuyên mâu thuẫn do không hợp tính tình và quan điểm sống. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không còn khả năng hàn gắn, bà O cũng không còn tình cảm với ông Th nên bà O yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Th để ổn định cuộc sống.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Người con chung tên Võ Trần Duy K đã thành niên.

- Về tài sản chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà O xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án**: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt cho ông Võ Đức Th các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo qui định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Võ Đức Th không đến làm việc và hòa giải nên không ghi được ý kiến của ông Th. Ngày 17/07/2018, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Võ Đức Th đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia hòa giải lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

*** Tại phiên tòa:**

Bà O vẫn giữ nguyên quan điểm như trên và bổ sung:

Ông Th biết việc bà O nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và cũng đồng ý ly hôn với bà O, ông Th cũng nhận được các giấy triệu tập của Tòa án nhưng không chịu đến làm việc, do đó đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Ông Võ Đức Th: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc O, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại Quận 10, Th phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai cho ông Võ Đức Th nhưng ông Th vắng mặt. Xét thấy việc ông Th vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Đức Th theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Ngọc O và ông Võ Đức Th chung sống từ năm 1997, có đăng ký kết hôn đúng qui định nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Theo bà O thì từ khi sống chung, bà O và ông Th thường xuyên mâu thuẫn do không hợp tính tình và quan điểm sống. Thời gian đã lâu đến nay không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên bà O yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Th. Xét thấy cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho bà O, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Th không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải chứng tỏ ông Th cũng không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ gắn bó lẫn nhau, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà O được ly hôn với ông Th.

- Về con chung: Bà O và ông Th có một người con chung tên Võ Trần Duy K đã thành niên.

- Về tài sản chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà O xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc O chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc O.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc O được ly hôn với ông Võ Đức Th.

- Về con chung: Bà O và ông Th có một người con chung tên Võ Trần Duy K đã thành niên.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc O không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị Ngọc O xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, Tòa án không xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc O chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0040617 ngày 23/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 , Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Trần Thị Ngọc O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Võ Đức Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P.10, Q.10
(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Huyền